

Số: 03/QĐ-VKS

Đồng Nai, ngày 05 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024  
của Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai**

**VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-VKSTC ngày 02/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc ủy quyền phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị trong ngành Kiểm sát nhân dân.

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-VKS ngày 05/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 của Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (theo quyết định đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký;

**Điều 3.** Chánh văn phòng, Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách căn cứ quyết định tổ chức thực hiện./

**Nội nhận:**

- Như điều 3;
- Cục 3 (để b/c);
- Viện trưởng;
- Trang thông tin điện tử;
- Lưu VT, KT.

**VIỆN TRƯỞNG**



**Nguyễn Mạnh Thắng**

Số: 01 /QĐ-VKS

Đồng Nai, ngày 05 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc giao dự toán ngân sách năm 2024**

**VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 143/QĐ-VKSTC ngày 29/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 áp dụng thống nhất trong ngành KSND.

Căn cứ Quyết định số 145/QĐ-VKSTC ngày 29/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-VKSTC ngày 02/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc ủy quyền phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị trong ngành Kiểm sát nhân dân.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Giao dự toán Ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2024 được giao, Thủ trưởng các đơn vị dự toán tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

**Điều 3.** Chánh văn phòng, Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục 3 (để b/c);
- KBNN nơi giao dịch của đơn vị;
- BLĐ Viện tỉnh (b/c)
- Lưu VT, VP (CVP, KT)

**VIỆN TRƯỞNG**



**Nguyễn Mạnh Thắng**



PHỤ LỤC  
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Đơn vị: Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai

Mã số đơn vị QHNS:

1052433

((Kèm theo Quyết định số 01/QĐ-VKS ngày 05 tháng 01 năm 2024

Của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai)

|           |                                                                                  | Đơn vị tính: triệu đồng |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| STT       | Nội dung                                                                         | Số tiền                 |
|           | <b>Tổng kinh phí được giao:</b>                                                  | <b>26.572,2</b>         |
|           | - Kinh phí giao thực hiện tự chủ                                                 | 23.779,2                |
|           | - Kinh phí giao không thực hiện tự chủ                                           | 2.793,0                 |
| <b>I</b>  | <b>Quản lý hành chính (Loại 340-341)</b>                                         | <b>26.150,9</b>         |
| 1         | Kinh phí giao thực hiện tự chủ                                                   | 23.779,2                |
| 2         | Kinh phí giao không thực hiện tự chủ                                             | 2.371,7                 |
| <b>II</b> | <b>Đào tạo bồi dưỡng cán bộ (Loại 070-085) (Kinh phí không thực hiện tự chủ)</b> | <b>421,3</b>            |

**Ghi chú:**

|                                                                                         |                 |                   |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------|
| <b>I. Quản lý hành chính (L340-341):</b>                                                | <b>26.150,9</b> | <b>Triệu đồng</b> |
| <b>1. Kinh phí giao thực hiện tự chủ</b>                                                | <b>23.779,2</b> | <b>Triệu đồng</b> |
| <b>1.1 Quỹ tiền lương của biên chế</b>                                                  | 17.545,2        | Triệu đồng        |
| <b>1.2 Định mức chi thường xuyên cơ sở:</b>                                             | <b>5.814,0</b>  | <b>Triệu đồng</b> |
| - Định mức chi thường xuyên Biên chế:                                                   | 5.814,0         | Triệu đồng        |
| <b>1.3 Các khoản chi thường xuyên đặc thù, vùng miền:</b>                               | <b>420,0</b>    | <b>Triệu đồng</b> |
| - Hỗ trợ mua sắm thay thế máy tính để bàn (10 bộ x 15xtr/bộ):                           | 150,0           | Triệu đồng        |
| - Hỗ trợ mua sắm thay thế máy photocopy thông thường cho VKS huyện (03 máy x 90tr/máy): | 270,0           | Triệu đồng        |
| <b>2. Kinh phí giao không thực hiện tự chủ</b>                                          | <b>2.371,7</b>  | <b>Triệu đồng</b> |
| <b>2.1 Kinh phí hỗ trợ hoạt động đặc thù ngoài định mức:</b>                            | <b>588,0</b>    | <b>Triệu đồng</b> |
| - Chi hỗ trợ đặc thù khác:                                                              | 408,0           | Triệu đồng        |
| - Kinh phí hỗ trợ kiểm sát trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ:                       | 180,0           | Triệu đồng        |
| <b>2.2 Kinh phí giao theo nhiệm vụ:</b>                                                 | <b>23,0</b>     | <b>Triệu đồng</b> |
| Kinh phí thuê luật sư, trợ cấp nhân chứng                                               | 23,0            | Triệu đồng        |
| <b>2.3 Kinh phí trang phục ngành:</b>                                                   | <b>1.760,7</b>  | <b>Triệu đồng</b> |
| <b>II. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng (L070-085):</b>                                      | <b>421,3</b>    | <b>Triệu đồng</b> |